

vé xem hát không cần xếp hàng. Tuy vậy, tương lai của họ không được bảo đảm. Họ có thể, bị bắt, bị giết bất cứ lúc nào, nếu cấp trên không vừa ý. Ngay cả tổng giám đốc điệp báo cũng sống trong sự lo sợ, vì trong số bảy tổng giám đốc từ Cách mạng tháng 10 đến nay, bốn đã bị hành quyết. Dédinki (24) chết vì bệnh tim năm 1926, sau tám năm làm tổng giám đốc. Trưởng Seróp (25), Selepin (26) là còn sống, còn Yagôda (27) bị giết năm 1936, Êdốp (28), bị giết năm 1939, Bêria, chết dưới tay Kút Sép năm 1953, Kô-rút-lốp, (29) biệt tích năm 1956.

Một đặc điểm nữa của mật vụ xô viết là sự tàn bạo. Hàng chục triệu người bị giết, không cần chứng cứ, không cần xét xử. Lên nắm quyền, đảng Cộng sản ra lệnh cho mật vụ Sêka hạ sát 12.000 người trong vòng 9 tháng, từ tháng 1-1918 đến tháng 7-1919. Mật vụ NKVD tuân lệnh Sít ta lin từ 1934 đến 1938, hạ sát 80.000 người, lưu đày 5 triệu người.

5-I. S : Bông hoa trong rừng điệp báo

Anh quốc là nước có nhiều kinh nghiệm nhất về điệp báo, và không hề danh với CIA, KGB, và RU. Không phải là quá đáng khi nói rằng điệp báo Anh quốc chiếm địa vị đàn anh trên thế giới.

Hệ thống điệp báo Anh quốc được gọi chung là I. S. (1), gồm 5 cơ quan : M. I., Tình báo Quân sự (2), trực thuộc bộ Chiến Tranh, N. I. (3)

(24) Felix Dzerhinski. (25) Ivan A. Serov (26) Shelepin. (27) Genrikh Yagoda. (28) Nikolai Yezhov. (29) Sergey N. Kruglov,

(1) Intelligence Service. (2) Military Intelligence. (3) Naval Intelligence.

Tình báo Hải quân, trực thuộc bộ Tư Lệnh Hải quân, A. I. (4), Tình báo Không quân, và sở Đặc Vụ (5), một cơ quan dân sự nằm trong bộ Nội Vụ. Bộ Ngoại giao có một cơ quan tình báo riêng, nổi tiếng là bí mật nhất, hữu hiệu nhất hoàn vũ. Cơ quan này ra đời từ ba trăm năm nay.

Điều khiển toàn bộ hệ thống tình báo là một ủy ban liên bộ, gồm thủ tướng, bộ trưởng chiến tranh, Ngoại trưởng, bộ trưởng Nội vụ, tư lệnh Hải quân, bộ trưởng thương mại (trong bộ Thương mại cũng có một cơ quan tình báo thương mại) và một số ít công chức cao cấp.

Bên trong nha M. I. còn có nhiều sở, như M. I. 5, M. I. 6, M. I. 19, và những sở bí mật khác, ít ai biết tên. M. I. 5, tức Phòng 5, là sở Phản gián, được khai sinh vào năm 1910, hoạt động tương tự như FBI của Hoa kỳ. Như FBI. Phòng 5 chuyên về săn đuổi gián điệp địch trên đất Anh, và chịu trách nhiệm trước bộ Tư Pháp. Tuy là Quân báo, Phòng 5 lại quy tụ nhiều nhân viên dân sự, chừng 1.500 người và người ta chưa rõ nhân vật chỉ huy là ai. Trước thế chiến, nhân vật này là tướng Oan đi grê vơ (7). Rất ít người, ngay cả người Anh, biết ông, tuy ông phục vụ trong ngành phản gián đã bốn chục năm. Trụ sở phòng 5 được giữ kín, song người ta đã biết ở trong một tòa nhà cao 9 tầng gọi là bin dinh Leconphiu (8), Luân đôn. Khác với FBI. Phòng 5 chỉ có quyền điều tra, không được xét nhà và bắt người. Điều tra xong thì chuyển qua công an.

Không rõ hàng năm Anh quốc tiêu bao nhiêu tiền cho công tác điệp báo. Năm 1955, dường như là năm triệu bảng tức là 1.500 triệu bạc Việt Nam. Có thể là hơn năm triệu bảng, vì một phần ngân sách bí mật

(4) Air Intelligence. (5) Special Branch. (7) Vernon George Waldegrave. (8) Leconfield. ở đường urzon, trong khu Mayfair.

do các cơ sở kinh tài cung cấp, như công ty dầu lửa Anh-Ba tư mà chính phủ hoàng gia Anh có cổ phần (9). Khuyết điểm của người Anh là chịu khó tiêu tiền trong thời chiến, nhưng lại quá hà tiện trong thời bình. Trước thế chiến thứ hai, guồng máy điệp báo của Anh quốc chỉ có rất ít nhân viên. Thủ tướng Sốt - Sin phân nản ngày 13-4-1939 sau khi Hít le chiếm đóng Tiệp khắc, rằng tình báo Anh không biết trước tham vọng xâm lăng của Đức quốc xã. Đại chiến bùng nổ, điệp báo Anh vội vàng tăng cường mọi mặt, kết nạp những nhân vật hữu danh. Ban Tình báo Chánh trị được lập lại, với ông Libơ (10), một nhà ngoại giao lỗi lạc, đứng đầu. Libơ đặt văn phòng trong một doanh trại cò xưa cách Luân đôn 80 cây số.

Trước đó, Anh có hai tổ chức gián điệp ở Đức, một của bộ Ngoại giao, một của bộ Chiến tranh. Từ 1938 đến 1939, Đức hành quyết 23 người Đức làm gián điệp cho Anh. Số gián điệp bản xứ này được đặt dưới sự điều khiển của tùy viên quân sự sứ quán Anh tại Bá linh, hoặc các lãnh sự, hoặc Sở Mật vụ Lục địa.

Cho đến trung tuần tháng 8-1938, Sở này đóng tại thủ đô Áo quốc, núp trong văn phòng cấp thông hành của tòa đại sứ Anh, do đại úy Ken đờ rích (11) một sĩ quan tình báo chuyên nghiệp, điều khiển. Tháng 3-1938, Đức quốc xã thôn tính Áo, chiếm đóng Viên, (12) lùng bắt gặt gao các tổ chức gián điệp. Ken đờ rích bị bắt. Bộ Ngoại giao Anh phản kháng quyết liệt. Kendờ-ri-ích được tha và bị trục xuất về Anh. Cơ sở lấy tin của Ken đờ rích bị phá hủy. Sau đó, Sở Mật vụ Lục địa dọn tới thủ đô Đan mạch. Tháng II, Đan mạch hoảng sợ trước hoạt động của gián điệp địch, mở một cuộc ruộng bắt đại qui mô. Một nhân viên của Anh bị sa lưới. Mục đích của Đan mạch là cần quét

(9) Anglo-Irantan Oil Company. (10) Rex Leeper. (11) Thomas Kendrick. (12) Vienne.

gián điệp Đức, nhưng công việc đã lỡ, tòa án đành phải xét xử. Tuy tòa nhóm kín, gián điệp Đức cũng phăng ra những bí mật về Sở Mật vụ Lục địa do lời khai của nhân viên Anh bị bắt.

Tại hại hơn nữa, ban 3F của Phòng Nhì Đức đã mua chuộc được kẻ phụ tá ông cảnh sát trưởng. Trong sở Cảnh sát có một ban Phản gián, nên kẻ này đã cung cấp cho Đức những tin tức về Sở Mật vụ Lục địa.

Sở này di chuyển tới La He (13), đặt dưới sự chỉ huy của thiếu tá Sítêven (14), sĩ quan tình báo chuyên nghiệp, tốt nghiệp trường Lâu đài Đea, trường đào tạo điệp báo nổi tiếng của Anh. Dưới quyền Sítêven, còn có nhiều nha, nha chánh trị, nha kinh tế, nha quân sự, nha hàng hải, nha phản gián. Nha quân sự do đại úy Bết (15) điều khiển.

Anh quốc còn một tổ chức điệp báo khác tại Bết nơ (16), Thụy sĩ.

Đầu năm 1937, Hít le ra lệnh cho đốc Canari tái lập hệ thống do thám tại Anh, và Canari ủy thác cho đại tá Bút-sơ (17), sĩ quan Phòng Nhì. Bút-sơ đặt 2 tổ chức tại Anh. Tổ chức thứ nhất gồm mấy trăm phụ nữ được huấn luyện tại Hăm bua, cải trang làm gia nhân, xin vào hầu hạ các nhân vật Anh cao cấp. Mục đích của Bút-sơ không phải lấy tin mà là đánh lừa phản gián Anh. Bút-sơ cho rằng sớm muộn phản gián sẽ phăng ra tổ chức phụ nữ và sẽ cho người theo dõi, trong khi đó, tổ chức thứ hai thả hồ hoạt động. Tổ chức này gồm toàn điệp viên chuyên nghiệp, có bản phận nằm yên, chờ chiến tranh Đức-Anh bùng nổ mới xuất đầu lộ diện.

Năm 1939, cả hai tổ chức đều hoạt động đúng theo dự tính của Bút-sơ. Tuy nhiên, phản gián Anh đã biết trước danh sách. Ngày 3-9-1939, Anh quốc mới ra tay. Cuộc hành quân cảnh sát diễn ra với toàn thể

(13) La Haye. (14) Henry Richard Stevens. (15) Panton Sigmund Best. (16) Berne. (17) Karl Busch.

viên chức công an, 2.000 cảnh sát viên mặc đồng phục, và một số nhân viên phản gián. 73,235 người bị thẩm vấn, và 569 điệp viên Đức bị thộp cổ.

Toàn bộ tổ chức của Phòng Nhì quốc xã bị sụp đổ thảm thương.

Công an Anh (18) gồm chừng 60.000 nhân viên, trong số có 2.500 phụ nữ. Ngoài ra, còn có 150.000 nhân viên hậu bị, không ăn lương, và tình nguyện, khi nào cần thì tới tăng cường. Trong tổng nha Công an, có sở Đặc Vụ, phụ trách phản gián, biên phòng, kiểm soát ngoại kiều, và bảo vệ các nhân vật cao cấp. Điều khiển Đặc vụ là ông Đôn (19).

6- Phòng Nhì Pháp: một tổ chức quen thuộc

Đối với người Việt trên bốn mươi, Phòng Nhì (1) không phải là tổ chức xa lạ. Phòng Nhì đã lưu lại những kỷ niệm đẫm máu trên đất nước ta, trước thế chiến thứ hai, nhất là trong thời gian kháng chiến chống Pháp.

Phòng Nhì là nòng cốt của điệp báo Pháp, khai sinh từ trước thế chiến thứ hai, chuyên về quân sự. Hải, lục không quân Pháp đều có Phòng Nhì riêng. Bộ Tổng tham mưu quân lực cũng có một ban điệp báo, phụ trách các tùy viên quân sự ở hải ngoại.

Tổ chức điệp báo thật thụ của Pháp nằm trong phủ Thủ tướng, mệnh danh là SDECE (2), tổng nha Thu thập Tài liệu Hải ngoại và Phản gián điệp. Tiền thân của SDECE là BCRA (3) Phòng Tình báo và hành động trung ương, do Sút ten (4) lập tại Luân Đôn năm 1940, và đại tá Pátzi (5) điều khiển.

(18) S otland Yard, Công an riêng của thủ đô Luân đôn là New Scotland Yard. (19) Rymer Jones (1) Deuxième Bureau. (2) Service de Documentation Extérieure et de Contre-espionnage. (3) Bureau Central de Renseignements et d'Action. (4) Pétain. (5) Passy.

Năm 1943, BCRA đổi tên là DGSS (6), tổng Nha Đặc vụ. Ngày Pháp được giải phóng, tổng nha này thành Tổng nha nghiên cứu và Sưu tra, DGER (7). Phụ trách việc truy tầm tay sai quốc xã còn hoạt động lén lút sở DGER lại bị phe thân quốc xã thao túng, và gây ra nhiều chuyện đáng tiếc. Năm 1946 DGER được thanh lọc và đặt dưới sự kiểm soát của phủ thủ tướng, dưới tên mới SDECE.

Tổng nha SDECE có nhiều sở, như sở phản gián, sở sưu tầm, sở nghiên cứu, thu thập tài liệu, và sở hành động, chuyên phá hoại, bắt cóc, phá ngục... Cho đến đầu năm 1964, những đơn vị đặc biệt của sở Hành động đều từ lữ đoàn 2 xung kích mà ra. Lữ đoàn 2 đã bị giải tán, song một số đơn vị bí mật khác được thành lập để thay thế.

Bên trong SDECE còn một nha gọi là Nha 20, chuyên về công tác tối mật. Trên nguyên tắc, ngân sách điệp báo Pháp là 25 triệu phật lạng mỗi năm (năm 1963), nhưng trên thực tế, số tiền này có thể tăng thêm nhiều, rút trong kinh phí của phủ thủ tướng. Nhân viên chừng 1600 người đa số là quân nhân, và từ ba đến bốn trăm nhân viên kỹ khế ước đặc biệt.

Năm 1962, tướng Gờ-rốt-xanh (8) tổng giám đốc SDECE, bị thay thế sau 5 năm điều khiển. Lên thay là tướng không quân Däckie (9). Nhân viên SDECE hoàn toàn hoạt động trong bóng tối. Gặp trường hợp liên quan tới pháp luật, họ phải nhường lại cho DST (10), nha Kiểm soát Lãnh thổ, trực thuộc Tổng Nha An ninh dưới quyền bộ Nội vụ và đặt trụ sở tại đường Sốt-xe (11) Ba lê. Nha Kiểm soát Lãnh thổ có 1.200 nhân viên mà 700 là hoạt vụ.

Tháng 5-1964, ông quận trưởng hành chánh Rô-sơ (12) được cử thay ông Đút tanh (13) làm giám

(6) Direction Générale des Services Spéciaux. (7) Direction Générale d'Etudes et de Recherches. (8) Grossin (9) Jacquier. (10) Direction de la Surveillance du Territoire. (11) Saussates. (12) Tony Roche. (13) Daniel Doustlin.

đốc DST, Ông Đút tanh giữ chức này từ 1958 đến 1964. Năm 1944, khi DST được thành lập, nhân vật điều khiển là ông Oa ranh (14), cựu thủ lĩnh phân gián của tướng Đờ Gòn.

Trước thế chiến, hệ thống điệp báo của Pháp hoạt động uế oải, và rời rạc, nên không đạt được kết quả tốt. Hồi đó, Pháp có bốn cơ quan điệp báo, song không có cơ quan điều chỉnh, nên thường xảy ra tình trạng đâm chân lên nhau. Sự tê liệt do bỏ nhiệm bỏ bịch mà ra. Tùy viên quân sự cũng được bỏ nhiệm vì cảm tình riêng. Chức tùy viên Đức được giao cho một đại tá không biết tiếng Đức tệ hơn nữa là người phụ tá cũng như người mà ông shav thế, đều mù tịt tiếng Đức như ông. Phòng Nhì còn phạm nhiều sai lầm kỹ thuật không thể tha thứ. Bằng chứng là một thành phố Đức (15) đã được chia trên địa đồ của Bỉ.

Phòng Nhì thường do sĩ quan trung cấp điều khiển nên các tướng lĩnh cầm quân không chịu nghe theo. Đại tá Phòng Nhì Gô-sê (16) trình lên đại tướng tổng tư lệnh Gamolanh (17) những tin tức xác đáng về mặt trận Ba lan, hầu thúc đẩy Gamolanh thay đổi chiến lược cứng nhắc và lỗi thời, song đại tướng lẽ nào nghe đại tá nên Gamolanh đã ném tài liệu vào sọt rác, để rồi quân đội Pháp thất trận thảm thương.

7 — Tình báo Nhật bản

Dân tộc Phù tang có khiếu đặc biệt về điệp báo. Trong quá khứ, điệp báo Nhật đã lập được thành tích vẻ vang. Tuy nhiên phải thẳng thắn nhìn nhận là các tổ chức điệp báo tây phương sinh sau đẻ muộn mà phát triển nhanh hơn điệp báo Nhật bản.

Phòng nhì của Hải quân hoạt động khá hữu hiệu như đã được chứng tỏ trong việc đánh úp Trân châu cảng năm 1941. Trong lục quân, công tác tình báo

(14) Warin. (15) Aix-la-Châpelle. (16) Gaucher. (17) Gamelin.

được giao cho Phòng Ba của bộ tham mưu, đứng đầu là một tướng lãnh. Phòng Bốn, chuyên về phân gián, gồm có Kempetai, tức cảnh sát bí mật trong quân đội và ban đặc vụ Chánh trị Tốc Kô Ka.

Hệ thống điệp báo Nhật đã có từ nhiều thế kỷ trước, nhưng chỉ nảy nở mạnh từ cuối thế kỷ 19, với sự xuất hiện của các đoàn thể ái quốc bí mật. Hội Hắc Hải ra đời năm 1880, với Tôyama làm đảng trưởng nhằm mục đích chống Nga. Hội này mở trường huấn luyện tình báo trên đảo Hốc Kai đô (1) tại Hán khâu trên lục địa Trung quốc, và trường thứ ba đội tốt dạy nhu thuật tại Vơladi-vốt-tốc (2). Tại Hán khâu, Hội còn đỡ đầu một trung tâm du hí, vừa để làm trạm giao liên cho điệp viên hoạt động ở Tân cương và Trung Á, vừa dùng làm nơi mua vui cho các nhân vật Trung hoa mà hội muốn lấy tin tức.

Năm 1898, Hội Tiến tới Thống nhứt Văn hóa Viễn Đông ra đời. Hội này lập tại Thượng hải một trường huấn luyện nhân viên phục vụ trong vùng Viễn đông. Năm 1908, Hội có 272 điệp viên hoạt động tại Trung hoa, Viễn đông, Ấn độ, Đông dương, Phi luật tân và Mông cổ. Năm 1939, với sự trợ giúp của quân đội Thiên hoàng, trường này có bốn ngàn học viên, và tiếp tục mở cửa cho đến năm 1945, Nhật đầu hàng đồng minh.

Hội đoàn quan trọng nhứt là đảng Hắc long thành lập năm 1901 bởi Usida (3).

Usida là người sáng lập trường nhu thuật Hắc Hải tại Vơladi vốt-tốc. Sudiama (4), phụ tá của Usida, là người điều khiển câu lạc bộ tình dục tại Hán khâu. Năm 1944, đảng Hắc long có trên mười ngàn đảng viên, hoạt động khắp thế giới. Thủ tướng Kôki Hirôta cũng là đảng viên Hắc long. Năm 1943 đảng trưởng Kurusu (5) điện cho tổng thống Mỹ Rudoveo và thủ tướng Anh Sôtsin, cảnh cáo nếu

(1) Hokkaido. (2) Vladivostok. (3) Ryohet Ouchida
(4) Sougiyama. (5) Yoshihitsu Kurusu.

GIÁN ĐIỆP QUỐC TẾ

đồng minh không đầu hàng, thì sẽ ước lấy thảm bại. Sự kiện này chứng tỏ đảng Hắc long rất mạnh.

Đảng Hắc long mở hai trường dạy gián điệp tại Đông kinh, ngay trong dưới những tên hiền lành: trường Huấn luyện Quốc gia, do Fukútsima (6) điều khiển năm 1944, và trường ngoại ngữ Osaka và Đông kinh.

Ngoài Hắc Hải và Hắc long, còn những tổ chức tình báo nhân dân kém quan trọng như hội Dai A Gikai, hội Đại Đông Á Thức tỉnh, và đảng Chó sói trắng. Năm 1932, đảng ái quốc Nhật mở rộng tới vùng Cận và Trung đông. Một số sĩ quan Hắc long già và theo đạo Hồi, học tiếng Ả rập đi hành hương thánh địa La Méc đê lấy tin và tuyên truyền. Năm 1944, các bí thư sứ quán Nhật tại Kabun (7) và Ankara đều là đảng viên Hắc long.

Điệp viên Nhật lỗi lạc nhất là Kendi Đôihara (8). Năm 21 tuổi, Đôihara lập mưu chup hình em gái 15 tuổi trần truồng dâng cho một vị hoàng thân để làm vợ hầu. Nhờ em gái tiến thân, Đôihara được sang Trung hoa phụ tá tướng Hondô (9) tùy viên quân sự tại Bắc kinh. Đôihara trở tài tình báo với mục đích giết đồ chánh phủ Trung hoa.

Dưới tướng, Đôihara có một đạo binh hành động gồm 5.000 tội phạm đã trốn khỏi Nga sau cuộc cách mạng của Lênin. Đôihara còn lập thêm một đạo quân 80.000 giặc cỏ, mang tên là hội Trường Mao (tóc dài). Đôihara mở các tiệm hút thuốc phiện, các nhà chứa thò. Nhân viên của Đôihara đi khắp nước Tàu bán á phiện. Các hãng thuốc lá ở Nhật chế tạo riêng cho Đôihara một loại thuốc riêng tầm á phiện để xuất cảng sang Tàu. Đôihara còn tuyên mộ phụ nữ Bạch Nga tị nạn để mở xóm bình hang tại Múc đen (10) và Hátbin (11).

(6) Giitchi Fukútsima. (7) Kaboul. (8) Kenji Doihara. (9) Hurodo. (10) Moukden (11) Harbin.

Năm 1913, Nhật chiếm đánh Mãn châu, Đôihara đặt Phô Nghi làm vua bù nhìn. Sau đó, Đôihara tới Bắc kinh dùng tiền và tình lung lạc các nhân vật chánh quyền. Do trung gian của nữ tài tử Mai lan Phương, Đôihara tổ chức được viên bí thư của tướng Trương giới Thạch. Tướng định đánh úp hải đội Nhật tại Hán khẩu. Đôihara biết trước. Kết quả là viên bí thư bị Trương xử bắn về tội phản quốc. Tướng còn hành quyết thêm tám trung tướng, song vẫn không chặn nổi ảnh hưởng gớm ghê của Đôihara.

Kempêtai là tổ chức hết sức hùng mạnh trong quân đội Nhật. Đứng đầu là một sĩ quan hiến binh cao cấp, nhân viên đều là tình nguyện. Muốn vào Kempêtai phải có ít nhất sáu năm quân ngũ. Nhân viên Kempêtai được huấn luyện một năm về luật, ngoại ngữ, điệp báo, phép đánh kiếm, nhu thuật, và kỹ thuật cảnh sát.

Năm 1945, Kempêtai gồm 70.000 nhân viên, trong số 24.000 là sĩ quan. Đó là chưa kể nhân viên bản xứ. Kempêtai vừa làm phản gián, vừa làm quân cảnh được quyền bắt giam một sĩ quan trên ba cấp, nghĩa là thiếu úy được quyền bắt thiếu tá, và được cả quyền quyết định trừng phạt tại chỗ. Nhân viên Kempêtai không phải chào sĩ quan các binh chủng khác.

8. Gián điệp Nhật tại Trân châu cảng

Trước thế chiến thứ hai, sự phòng thủ của Hoa Kỳ chống gián điệp địch rất yếu ớt, vì chưa có một cơ quan phản gián trung ương. Tháng 9-1939 súng nổ ở Âu châu, tổng thống Rudoveo cho phép công an liên bang F.B.I. kiểm thêm phần hành phản gián. Song tình trạng tranh tối tranh sáng giữa các cơ quan điệp báo đã vô tình tiếp tay cho địch, đặc biệt là tại Hạ uy di.

Tháng 11-1941, công an F.B.I. đặt dụng cụ nghe trộm đường giây điện thoại của tòa tổng lãnh sự Nhật

nghe ngờ là tổng hành doanh gián điệp trên quần đảo Hạ uy di. Phòng Nhì Hải quân xía vào khiến FBI phải rút lui. Phòng Nhì này lại kèn cựa với một cơ quan phản gián khác, rốt cuộc chẳng ai làm gì được hết.

Tasibana (1) sĩ quan cao cấp hải quân được chánh phủ Đông kinh gửi qua Hoa kỳ học tiếng Anh. Tháng 5 - 1941, F.B.I. báo cho bộ Ngoại giao Mỹ biết Tasibana là nhân viên do thám và yêu cầu bắt. Sau đó, Tasibana bị bắt giam. Ngày 14-6 đại sứ Nhật Nomura thăm ngoại trưởng Mỹ và Tasibana được phóng thích mặc dù có tang chứng cụ thể.

Thái độ quân tử tàu này làm Mỹ trở tay không kịp. Những quả bom đầu tiên rơi xuống Trân châu cảng trong khi tướng Mác sơn (2) đọc báo trong cầu tiêu buổi sáng. Tại Mỹ, tổng giám đốc công an kẹt chưa về được văn phòng, cộng sự viên thân cận của ông thì tụ họp tại sân vận động để xem đấu bóng tròn.

Nguồn tin hữu quyền tiết lộ hồi ấy Nhật có ít nhất bốn trăm điệp viên trên quần đảo Hạ uy di. Hoạt động đại quy mô này đặt dưới quyền của Kita, tổng lãnh sự Nhật cáo già gián điệp. Cánh tay mặt của Kita là Okuda (3). Trước ngày Trân châu cảng nổi sóng, Nhật phái tới một kỳ tài do thám nữa tên Phudi (6). Người ta không biết gì về đời tư của Phudi, chỉ biết y đến Honolulu vào tháng 9. 1941, theo lệnh đô đốc Yamamoto, tổng tư lệnh hải quân.

Yamamoto là tùy viên hải quân tại Hoa thịnh đồn năm 1926 nên rất am hiểu người Mỹ, và sự am hiểu này đã giúp Yamamoto thảo kế hoạch tấn công chớp nhoáng và được chánh phủ Nhật chấp thuận. Ngày 15-2-1941, Đông kinh ra lệnh cho gián điệp Nhật tại Mỹ dốc toàn lực vào việc lấy

(1) Tachibana (2) George Marshall.

(3) Atojito Okuda. (4) Ichiro Fuji.

tin quân sự. Ngày 24-9, Đông kinh ra lệnh cho gián điệp Nhật chia hải phận Trân châu cảng thành 5 tiểu khu. Ngày 1-12-41, nội các chiến tranh Nhật chấp thuận ngày tấn công do đô đốc Yamamoto đề nghị, đó là ngày 7-12. Ngày 2-12, Terasaki, chỉ huy gián điệp tại Mỹ, được lệnh hồi hương lập tức cùng bốn nhân viên phụ tá. Đại sứ Nhật không biết Terasaki là chỉ huy gián điệp nên điện về xin y ở lại. Đề nghị này bị bác bỏ.

Tại Honolulu, Nhật còn có một điệp viên địa phương đặc lực. Y là Dim my (5), người Đức, gia nhập gián điệp Nhật năm 1936. Từ 1936 đến 1939 y đã gửi ngân hàng được 70.000 đô la. Năm 1941, y kiếm thêm được 16.000 đô la. Tình báo Nhật còn trả cho y 14.000 đô la khác trước ngày tấn công Trân châu cảng. Sự kiện này chứng tỏ điệp báo Nhật biết tiêu xài mỗi khi cần thiết.

Ngày 6-12; tổng lãnh sự Kita đánh bức điện cuối cùng về Đông kinh: bức điện này ghi đầy đủ danh sách các chiến hạm Hoa kỳ bỏ neo tại Trân châu cảng. Trong đêm tối, hải quân Nhật lặng lẽ tiến tới Hạ uy di. Điện đài trên tàu nín lặng, rồi một lệnh đột ngột phát ra "hãy trèo lên núi Mitaka". Đó là lệnh tổng tấn công.

Phi cơ Nhật nhào xuống đội bom. Trước mặt mỗi phi công đều có bản đồ Trân châu cảng kẻ ô vuông. Mỗi phi đội được lệnh oanh kích một ô vuông. Bản đồ này, gián điệp Nhật chẳng phải nhọc công tìm kiếm. Một điệp viên đã mua các tấm hình chụp cảng Trân châu bằng phi cơ. Một xấp hình dày cộm chỉ tốn một đô la Mỹ.

Nếu Hoa kỳ đặt gián điệp tại Đông kinh thì có lẽ Nhật không đánh úp được Trân châu cảng, và biết đâu chẳng tránh được chiến tranh Nhật Mỹ.

(5) Jimmy. Y còn đội tên là Friedell. Tên thật y rơi Otto Kuehn.

Đại tá Mátbo (10), đã thảo ra kế hoạch M đề nghị lập một tổ chức lấy tin tại Nhật, nhưng không được chính phủ Mỹ nghe theo. Cho nên trước vụ Trân châu cảng, Mỹ không có điệp viên nào ở Đông kinh.

Một ngày trước khi Trân châu cảng chìm trong lửa đạn, tùy viên hải quân Mỹ tại Đông kinh tuyên bố sẽ không thể có tấn công bất thần, vì hải quân Phủ Tang còn bỏ neo tại căn cứ chính Yokosuka. Sự thật là chiến hạm Nhật đã ra khơi, Tùy viên Mỹ bị lừa vì thấy nhiều thủy thủ ngoài đường phố. Đám thủy thủ này là lực quân mặc binh phục hải quân để đánh lừa.

9- Tình báo Liên bang Tây Đức

Bá linh ngày nay được mệnh danh là "thành phố bất cóc". Thật vậy, các điệp viên Đông và Tây Đức rình rập nhau ngày đêm tại Bá linh, áp dụng thủ đoạn để cướp phần thắng. Một số người Tây Đức bị phe Cộng bắt cóc, nhưng rất nhiều điệp viên Đông Đức đã bị lột mặt nạ.

Phần lớn thủ lĩnh cũng như nhân viên điệp báo Tây và Đông Đức đều xuất thân từ nước Đức thời chiến, cho nên muốn tìm hiểu hiện tại, không thể không nhìn về quá khứ.

Ngày 31-8-1939, quân đội Đức tấn công Ba lan. Trước đó, mật vụ Đức đã dàn cảnh, vu cáo Ba lan vi phạm biên giới để lấy cớ động binh. Một toán mật vụ mặc binh phục Ba lan, bắn vào đài bá âm Cờliuyt (1) của Đức, rồi để lại một cái xác. Vụ gặp lừa bịp tay người này, đô đốc Canari được lệnh thi hành, song đã cương quyết từ chối nên Him-le phải giao cho mật vụ Đét ta pô.

(8) Sydney Mashbir
(1) Gleewitz

Sự kiện đó chứng tỏ Canari là một lãnh tụ điệp báo đúng đắn. Canari muốn thắng đối phương bằng mưu lược và tổ chức khoa học, chứ không muốn có hành động cùn đờ. Chào đời năm 1887 gần Đót môn, trong vùng than đá phì nhiêu, Canari là con út một kỹ sư mỏ sung túc. Canari gia nhập thủy quân, tòng sự trong ngành tình báo trong thế chiến thứ nhất. Trước đình chiến, Canari chỉ huy một tiềm thủy đình

Ngày 1-1-1935, đột nhiên Canari được bổ nhiệm chỉ huy trưởng Phòng Nhì. Là thủy sư đô đốc, Canari lại ghét nhà binh, bằng chứng là sĩ quan nào dưới quyền đeo dây ngực huy chương là bị ghét cay, ghét đắng. Canari dính vào một vụ mưu sát Hít le nên bị hành hình.

Trước thế chiến thứ hai, Canari có dưới quyền 18.000 nhân viên thường trực, cả nam lẫn nữ, và hàng ngàn mật báo viên rải rác khắp nơi. Phòng Nhì được chia làm 5 ban, ban 1, ban 2, ban 3, ban ngoại vụ và ban trung ương. Ban trung ương được đặt dưới sự điều khiển của đại tá Ot te (2), nhân vật thứ nhì sau Canari, và cũng chống Hít le quyết liệt. Ban ngoại vụ do một sĩ quan cao cấp hải quân tên là Bót ne (3) chỉ huy, có nhiệm vụ liên lạc với ngoại quốc. Ban 3 phụ trách an ninh, phản gián và chống phá hoại. Ban 2 do đại tá Lahusen (4) cầm đầu chuyên về phá hoại và các công tác mật khác. Ban 1 là ban tình báo bí mật (5).

Ban này được chia ra 3 tiểu ban, lục quân, thủy quân, không quân và làm 5 nhóm. Nhóm G coi việc chế tạo các vật chứa chất nổ đặc biệt, các phương pháp chụp hình riêng, các loại mực bí mật, thông hành giả, giấy tờ giả, và một số phụ tùng khác cần thiết cho nghề gián điệp. Nhóm 1 phụ trách thông tin vô tuyến, và cung cấp điện đài bí mật cho các tiểu tổ do thám.

(2) Hans Oster. (3) Burkner. (4) Von Lahousen.
(5) tiếng Đức là Geheimer Meldediens.

Ban I, ban tình báo bí mật, đặt trụ sở tại Bá linh, với một số nhân viên chọn lọc, gọi tắt là V (6).

Đối thủ của Phòng Nhì là Dết ta pô (7). Trong Dết ta pô, có một cơ quan mệnh danh SD, tức là An ninh (8). SD có sứ mạng bảo vệ Đức quốc xã chống lại kẻ thù ngoại lai, bằng phương pháp tấn công (do thám) và phòng thủ (phản gián). Hê đờ rích (9) trùm Dết ta pô nắm luôn cả SD. Hê đờ rích muốn thu hẹp Phòng Nhì của Canari vào một cơ quan lấy tin tầm thường. Hê đờ rích và Ca nari đều từ hải quân xuất thân, song Canari hơn Hê đờ rích về ngạch trật và tiếng tăm. Hê đờ rích đã kém còn bị liên can tới một vài vụ xấu xa. Canari đã làm đối thủ ngậm miệng, nhờ nắm được một tài liệu chứng tỏ Hê đờ rích, kẻ thừa lệnh Hít le tàn sát người Do Thái, lại mang máu Do Thái trong người.

Him le cai quản bộ An ninh viết tắt là RSHA (10) Song Him-le không nguy hiểm bằng Hê đờ rích. Hê đờ rích sinh năm 1904. Năm 1919 cậu Hê đờ rích là nhân viên một hội khủng bố và tuy còn thiếu niên đã giết người không gớm tay. Vào hải quân, y chỉ trèo tới cấp trung úy. Y bắt bớ với nhiều cô gái đào tặc, chẳng may đi đêm gặp ma, y làm ẽnh bụng cô gái rượu của một ông kỹ sư hàng hải. Người cha đòi Hê đờ rích điều chỉnh tình trạng gia đình, song gã sở khanh nói toạc ra là không thể kết hôn với một thiếu nữ quá dễ dãi. Y bị tống cò ra khỏi hải quân.

Y bèn gia nhập đảng Quốc xã và phụ trách tình báo. Bên cạnh Hít le, y lên như diều gặp gió. Có lần y khám phá ra một viên chức cao cấp liên lạc bằng thư từ với một lý thuyết gia quốc xã (11), kẻ thù không đội trời chung với Hít le. Y đoạt trái tim và thân thể của vợ viên công chức cao cấp. Một đêm kia sau cuộc truy hoan, y lục lọi phòng ngủ và đánh cắp được những bức thư quan trọng. Từ đó y được Hít le

(6) V là viết tắt của vertrauen, nghĩa là bí mật. (7) Gestapo. (8) tiếng Đức là Sicherheitsdienst. (9) Reinhard Heydrich. (10) Reichssicherheitshauptamt. (11) Gregor Strasser.

tin dùng. Năm 1931, mới 31 tuổi, Hê đờ rích được chỉ huy ngành tình báo đặc biệt của Đảng và tư lệnh đoàn quân xung phong. Núp bóng Hít le, y xô Đức quốc vào vũng máu.

Trước thế chiến, ban I của Phòng Nhì đã đặt ra một cơ quan nghiên cứu và thu thập tin tức về phòng tuyến Madinô của Pháp. Một số điệp viên quốc xã bị thộp cổ trong khi điều tra gần phòng tuyến. Sau đó đó đốc Canari thành công nhờ sự phản quốc của hai sĩ quan Pháp, Cờ rết (12) và Phờ rô (13).

Đại úy Cờ rết, sĩ quan tùy viên của tướng tư lệnh quân khu Mết (14) đã chuyển cho Đức một phần họa đồ chiến lũy Madinô. Canari lại dùng tiền bạc mua chuộc đại úy Phờ rô, phụ trách tiếp tế cho binh sĩ đồn trú trong chiến lũy.

Sau đó, Đức quốc xã đánh chiếm Tiệp khắc. Canari gởi sang Phờ ra gờ, thủ đô Tiệp, một số nhân viên có nhiệm vụ tịch thu mọi hồ sơ, tài liệu của Phòng Nhì Tiệp. Gián điệp Đức ăn cánh với một tên Tiệp phản quốc, đại tá Môraoét (15). Môraoét dẫn gián điệp Đức tới một két sắt bí mật, trong đó quân đội Tiệp cất giấu bản họa đồ toàn diện của pháo đài bất khả xâm phạm Madinô. Sở dĩ Tiệp có họa đồ này vì khi định xây cất hệ thống phòng thủ, Tiệp đã phái một đoàn chuyên viên sang Pháp để thăm viếng pháo lũy Madinô.

Ban IM của Canari đặt tai mắt khắp nơi để theo dõi hoạt động của hải quân Pháp. Một nữ điệp viên xinh đẹp của Đức (16), đã dùng nhan sắc quyến rũ được một sĩ quan hải quân Pháp, thân cận đó đốc Đát lẩn (17), tư lệnh tối cao hải quân. Những chỉ thị tối mật của đó đốc Đát lẩn đều được chuyển 48 giờ sau cho Canari ở Bá linh.

Năm 1939, nhân viên Phòng Nhì Đức, Ottô

(12) Credle (13) Froge (14) Metz (15) Morawetz (16) Lydia Oswald. (17) Darlan.

Ban (18) từ Pháp trở về đã mang theo một bản danh sách đầy đủ về các phi trường Pháp, kèm theo tin tức về các loại máy bay, nhân viên phi hành và hệ thống an ninh. Những bí mật quốc gia này, Ban lấy của một đại úy trẻ tuổi tòng sự trong bộ Không quân Pháp, tên là Cô (19). Tình yêu và tiền bạc đã xô đẩy Cô cũng như nhiều người Pháp khác vào vòng phản quốc.

Đề năm đại úy Cô, tình báo Đức đã nhờ tới nhan sắc khuy nh thành của một phụ nữ người An dát (20). Nàng trở thành người yêu của Cô, và ở chung với y. Lương bổng ít, Cô đâm ra túng thiếu. Túng thì phải tính, Cô phải nặn óc xoay tiền, Khi ấy Ban xuất hiện. Y sẵn sàng trả các món nợ cho đại úy Cô, với một điều kiện...

Đô đốc Canari còn tổ chức một mạng lưới do thám đội lột công thương gia tại Ba lan, có nhiệm vụ nắm li. Nắm li nghĩa là không làm gì, đợi thời cơ thuận tiện mới ra tay. Canari lại tung tiền mua chuộc một số người Ba lan để thu thập tin tức.

Đức bại trận. Hitle chết trong đồng gạch vụn Bả linh, đô đốc Canari, Hé dờ rích, và Him-le, các thủ lãnh điệp báo cũ khô, đều ra người thiên cổ. Nga sô và Hoa kỳ chạy đua ráo riết trong việc chiếm hữu hồ sơ điệp báo, và thu dụng đạo quân điệp báo của Đức quốc xã.

Tướng Ghê-len (21) một kỳ tài điệp báo, đã kịp thời hợp tác với Mỹ, đặt nền móng cho guồng máy an ninh Tây Đức thời hậu chiến. Năm 1942, Ghê-len nhảy dù cùng các đơn vị tình báo xuống đất Nga. Ghê-len tập hợp những người Nga chống Cộng thành một đạo quân, đặt dưới quyền tướng Nga Vơlátốp (22). Là quân nhân chuyên nghiệp, không liên hệ với đảng Quốc xã, lại có tinh thần chống Cộng, Ghê-len

(18) Otto Balth. (19) Pierre Col. (20) Alsace. (21) Reinhard Gehlen. (22) Vlassov.

đã mang hồ sơ mật và bộ tham mưu ra đầu hàng Mỹ sau khi Hít le bại trận. Mùa hè 1945, Ghê-len đáp máy bay bí mật về Hoa thịnh đốn.

Từ kẻ thù, Ghê-len thành đồng minh đặc lực của Hoa kỳ. Sự liên kết này rất quan trọng vì Ghê-len còn nhiều nhân viên hoạt động bên kia bức màn sắt. Sinh năm 1902 tại Bôrétlô (23), Ghê-len gia nhập pháo binh năm 18 tuổi, và giữ cấp trung úy khi Hít le cướp chính quyền. Chiến tranh nổ bùng, Ghê-len mới đại úy. Từ 1939 đến ngày bại trận, Ghê-len phục vụ trên chiến trường miền đông, chống Nga. Năm 1942, bộ tổng tư lệnh Đức lập hai sư đoàn biệt kích, và Ghê-len đã nhảy dù với sư đoàn Frende Heere Ost.

Ghê-len có khổ người tầm thước, môi mỏng, tóc thưa, mỗi khi ra ngoài đều đeo kính đen, dường như muốn che mặt. Không ai chụp được hình Ghê-len. Bức ảnh mới nhất của Ghê-len được chụp từ năm 1943. Cách đây hơn mười năm, ông sống với vợ và bốn con trong một biệt thự tạm thường tại vùng Ba-vi-e, xóm giềng không bao giờ thấy mặt. Ghê-len bắn rất giỏi, thường lái xe đua, ăn mặc lại giản dị. Người ta thường mệnh danh là ông tướng không mặt.

Mùa thu 1944, một nhân viên của Ghê-len được lệnh vượt phòng tuyến để tiếp xúc với một điệp viên "làm việc" trong một trại nhồi sô sĩ quan Đức bị bắt tại Gót ky (24) trên đất Nga, cách vùng Đức kiểm soát một ngàn cây số. Y bèn cải trang làm thiếu tá Hồng quân, và tới gặp viên trưởng đồn sô viết gần mặt trận trình chứng minh thư, đòi kiểm tra các khu vực chôn mìn.

Tới một thị trấn khác, y biến thành chánh trị viên quân đội. Trong mình y, mang trên một chục căn cước khác nhau, dĩ nhiên là căn cước giả, và nhiều phong bì tối mật đóng dấu tổng tư lệnh Hồng quân. Dĩ nhiên mật vụ sô viết không dám đụng tới những phong bì này. Nhân viên của Ghê-len hoàn thành công tác,

(23) Breslau. (24) Gorky.

và sau mấy tuần lễ, thần nhiên quay lại phòng tuyến Đức.

Sự kiện này xác nhận tài tổ chức phi thường của Ghê len. Vì vậy, Ghê len được vinh thăng thiếu tướng trước khi đại chiến chấm dứt.

Cuối 1945, Tổ chức Ghê-len thành hình dưới sự bảo trợ của C.I.A. Thoạt đầu đóng tại một trại binh Mỹ, gần Phò rần pho, tổ chức Ghê len lớn dần và di chuyển tới Pulác (25), một làng nhỏ gần Myn-ních. Hàng năm, Mỹ cung cấp cho Ghê len sáu triệu đô la. Ghê-len ký với C.I.A. một mật ước gồm 5 điểm chính:

— Ghê-len tiếp tục hoạt động điệp báo tại Nga sô và các nước chư hầu.

— Ghê-len hoạt động dưới sự điều khiển của CIA.

— Nhân viên dưới quyền đều là người Đức. ngoại trừ nhân viên nằm lì sau bức màn sắt.

— Tổ chức Ghê len không hoạt động chống lại quyền lợi quốc gia Đức.

— Khi Đức tái lập chủ quyền, Tổ chức Ghê-len sẽ trở về với chính phủ Đức.

Sau khi bác sĩ Ôttô Dôn (26) giám đốc điệp báo Tây Đức, trốn sang vùng Cộng sản, Tổ chức Ghê len được nâng lên làm cơ quan chánh thức, ngân sách 41 triệu mã kim (năm 1958). Trước đó Dôn tranh chấp kịch liệt với Ghê len. Nhưng từ ngày Dôn bỏ đi, vai trò Ghê len được nổi bật với sự ủng hộ mạnh mẽ của C.I.A. và của thủ tướng Adênôc. (27).

Có thể nói Tổ chức Ghê len là cơ quan điệp báo hữu hiệu nhất Tây phương. Toàn bộ tổ chức đều được bí mật hóa. Nhân viên Ghê len đội lốt công thương gia, và các cơ sở đều núp sau chiêu bài hàng buôn, xí nghiệp, văn phòng báo chí, hàng du lịch... Ghê len dùng rất nhiều P-Quellen, điệp viên thâm nhập và A-Quellen điệp viên nhị trùng (28). Khác với

(25) Pullach. (26) Otto John. (27) Konrad Adenauer. (28) Abwehr - Quellen.

C.I.A. tổ chức Ghê-len không nhận đơn xin gia nhập. Việc tuyên mộ được giao cho các chuyên viên đi tìm mằm non (29).

Hồi hoạt động với C.I.A, Ghê-len có bốn ngàn nhân viên, trong số có ba ngàn phụ trách chánh trị, một ngàn chuyên gia quân sự. Khi được chánh thức hóa, chỉ còn hai ngàn được tái dụng. Hiện nay, Tổ chức Ghê-len (kỳ lạ, vì người ta vẫn gọi cơ quan điệp báo Tây Đức là Tổ chức Ghê-len) gồm 1.240 viên chức, và một số nhân viên khế ước đặc biệt.

Ai cũng nhìn nhận Tổ chức Ghê-len đã làm cộng sản Đông Đức điên đầu.

10- S.S.D. kẻ thù của Tây Đức

Đối chọi với tướng Ghê-len. Cộng sản đã dùng ba chuyên viên về phá hoại, ám sát, và điệp báo, song cả ba đều thức thủ trước tài tổ chức của viên tướng lãnh không mặt.

Ba tay tở này là Détse (1), Un uy be (2) và Min kờ (3).

Năm 1918, Détse gia nhập đảng Cộng sản Đức. Y hoạt động gián điệp trong vùng than mỏ, cầm đầu tổ chức N, một tổ chức khủng bố. Bị lùng bắt, y trốn sang Nga sô năm 1927, gia nhập Hồng quân và được phái sang Á châu. Năm 1931, bí mật về Đức, y điều khiển mạng lưới do thám kinh tế, song bị lộ diện, y phải xuống tàu trốn sang Mạc tư khoa lần nữa.

Năm 1936, nội chiến diễn ra tại Tây ban nha, y trở thành tướng Gômê (4). Phe thân Cộng bị đè bẹp, y về Nga, bị thanh trừng rồi được trả tự do. Đức tấn công Nga sô, y được điện Cẩm linh đặt làm

(29) Heing Đức là werbeabteilung. (1) William Zaisser. (2) Ernst Wollweber. (3) Estch Mielke (4) Gomez.